

Số: 245 /QĐ-UBND

Thần Sa, ngày 23 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán kinh phí “Mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS năm 2025 trên địa bàn xã Thần Sa (Tiểu dự án 1, Dự án 5 Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi)”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THẦN SA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm định quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/05/2025 của Chính phủ về việc Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính: Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-UBND, ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Dân tộc và tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, giai đoạn I, từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 79/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 14/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND xã Thần Sa về việc phân bổ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Thần Sa;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 29/09/2025 của UBND xã Thần Sa về việc phê duyệt danh mục Mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS năm 2025 trên địa bàn xã Thần Sa (Tiểu dự án 1, Dự án 5 Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi);

Theo Tờ trình số 40/TTr-VH-XH ngày 22/10/2025 của Phòng Văn hóa – Xã hội xã Thần Sa về việc đề nghị phê duyệt dự toán “Mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS năm 2025 trên địa bàn xã Thần Sa (Tiểu dự án 1, Dự án 5 Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi) và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Thần Sa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán kinh phí “Mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS năm 2025 trên địa bàn xã Thần Sa (Tiểu dự án 1, Dự án 5 Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi), thực hiện năm 2025 của UBND xã Thần Sa như sau:

1. Cơ quan thực hiện mua sắm:

Phòng Văn hóa – Xã hội xã Thần Sa.

2. Danh mục tài sản được mua sắm: Mua sắm trang thiết bị theo Phụ lục chi tiết đính kèm.

3. Dự toán kinh phí thực hiện là: 7.435.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn). Trong đó:

TT	Nội dung	Giá trị dự toán gói thầu (ĐVT: đồng)
1	Chi phí Thẩm định giá	55.000.000
2	Chi phí mua sắm hàng hoá <i>(có dự toán chi tiết kèm theo)</i>	7.339.474.000
3	Chi phí tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	28.140.000
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định KQLCNT	12.386.000
	TỔNG CỘNG	7.435.000.000

Nguồn vốn: Từ nguồn **Tiểu dự án 1 - Dự án 5:** Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

4. Thời gian thực hiện: Quý IV, năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Phòng Văn hóa – Xã hội thực hiện mua sắm trang thiết bị theo đúng quy định hiện hành, bàn giao trang thiết bị cho các trường học, có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn đơn vị trường học quản lý, khai thác tài sản theo quy định.

2. Giao Trường Tiểu học Lũng Luông, Trường Tiểu học Thượng Nung, Trường PTDTBT THCS Thượng Nung, Trường Tiểu học Thần Sa; Trường PTDTBT THCS Thần Sa tiếp nhận và quản lý tài sản, thiết bị theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND; Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội; Hiệu trưởng các trường: Trường Tiểu học Lũng Luông, Tiểu học Thượng Nung, Tiểu học Thần Sa, PTDTBT THCS Thần Sa, PTDTBT THCS Thượng Nung và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT ĐU, TT HĐND xã;
- Đ/c CT, các đ/c PCT UBND xã;
- KBNN Khu vực VII - Phòng giao dịch số 2;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Tạ Việt Hồng

PHỤ LỤC

Nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện “Mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đông bào DTTS năm 2025 trên địa bàn xã Thần Sa (Tiểu dự án 1, Dự án 5 Chương trình MTQG PTKT-XH vùng ĐB DTTS và miền núi)”

(Kèm theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND xã Thần Sa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
*	TRƯỜNG TIỂU HỌC THẦN SA				1.781.965.000
A	THIẾT BỊ CHO KHỐI PHÒNG HỌC TẬP				-
I	Phòng học				-
1	Hệ thống âm thanh, hỗ trợ giảng	Chiếc	18	3.985.000	71.730.000
2	Camera (Hệ thống camera trực tuyến thu phát)	Bộ	6	4.850.000	29.100.000
3	Âm thanh trợ giảng - (Loại vừa dùng cho phòng học lắp camera thu phát) - Loại to	Chiếc	3	10.000.000	30.000.000
II	Thiết bị cho các phòng bộ môn + Thư viện + phòng chức năng				-
1	Bếp từ (Khoa học - Công nghệ)	Chiếc	1	2.500.000	2.500.000
2	Tủ y tế (Khoa học - Công nghệ)	Chiếc	1	8.950.000	8.950.000
3	Chậu rửa phòng thí nghiệm (Khoa học - Công nghệ)	Cái	1	7.850.000	7.850.000
4	Bảng trượt (Khoa học - Công nghệ)	Bộ	1	9.350.000	9.350.000
5	Điều hoà nhiệt độ (Bao gồm cả phụ kiện lắp đặt hoàn thiện): 12000BTU 1 chiều	Bộ	10	14.750.000	147.500.000
6	Máy quét, đọc mã vạch (Thư viện)	Cái	1	8.750.000	8.750.000
7	Máy hút ẩm công nghiệp (Phòng thiết bị)	Cái	1	24.500.000	24.500.000
8	Giá để thiết bị (Phòng thiết bị)	Cái	10	4.550.000	45.500.000
9	Máy in 2 mặt (Phòng tư vấn học đường, Phòng Đội)	Chiếc	2	10.000.000	20.000.000
10	Tủ trưng bày tư liệu (Phòng truyền thống):	Phòng	1	186.668.000	186.668.000
11	Máy tính để bàn (Phòng truyền thống)	Bộ	1	14.500.000	14.500.000
12	Thiết bị đo chiều cao (y tế học đường)	Cái	1	4.850.000	4.850.000
13	Tủ đựng tài liệu phòng học bộ môn	Cái	3	4.550.000	13.650.000
14	Cân y tế (y tế học đường)	Cái	1	850.000	850.000
III	Thiết bị đồ dùng cho Nhà ăn, Nhà bếp, khu nội trú				-
1	Tủ Đông mát	Cái	1	17.850.000	17.850.000
2	Tủ lưu mẫu thức ăn	Cái	1	8.950.000	8.950.000
3	Giá để thực phẩm: 3 tầng; 1200x 600 x 800mm	Cái	2	5.000.000	10.000.000
4	Bếp gas công nghiệp 2 á họng	Cái	1	16.000.000	16.000.000
5	Hệ thống cấp gas công nghiệp	Hệ thống	1	27.500.000	27.500.000

6	Chạn để thức ăn INOX	Cái	2	12.450.000	24.900.000
7	Tủ cơm công nghiệp Điện - Gas nồi cơm điện công nghiệp	Cái	1	16.000.000	16.000.000
8	Máy lọc nước 50L + Vỏ bình INOX đựng máy lọc (Dùng lọc nước nấu cơm)	Cái	1	27.000.000	27.000.000
9	Máy xay thịt; mô tơ 2KW, nằm ngang	Cái	1	9.850.000	9.850.000
10	Bàn sơ chế, chế biến thực phẩm	Cái	1	6.500.000	6.500.000
11	Bồn rửa bát công nghiệp: 2 hố	Cái	1	8.550.000	8.550.000
12	Tủ INOX để bát thìa:	Chiếc	2	23.450.000	46.900.000
13	Bàn ghế ăn (01 bàn + 6 ghế)	Bộ	20	4.250.000	85.000.000
14	Bộ đồ dùng phục vụ ăn của học sinh(khay ăn, bát đựng canh, đĩa thìa)	Bộ	150	325.000	48.750.000
15	Máy phát điện CN 3 pha	Bộ	1	96.139.500	96.139.500
16	Vận chuyển + Lắp đặt	Bộ	1	9.850.000	9.850.000
B	THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU GDPT 2018				-
I	MÔN TOÁN				-
1	Thiết bị vẽ bảng trong dạy học toán (Gỗ)	Bộ	9	145.000	1.305.000
2	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số (Dùng cho lớp 2)	Bộ	70	205.000	14.350.000
3	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số (Dùng cho lớp 3)	Bộ	175	145.000	25.375.000
4	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số (Dùng cho lớp 4)	Bộ	70	105.000	7.350.000
5	Bộ thiết bị dạy phép tính (Dùng cho lớp 2, 3)	Bộ	245	51.000	12.495.000
6	Bộ thiết bị vẽ bảng trong dạy học hình học (Gỗ)	Bộ	5	285.000	1.425.000
7	Bộ thiết bị dạy khối lượng	Bộ	23	3.850.000	88.550.000
8	Bộ thiết bị dạy dung tích	Bộ	16	98.000	1.568.000
9	Thiết bị dạy diện tích	Tám	16	17.500	280.000
10	Bộ thiết bị dạy học yếu tố xác suất (Thống kê và Xác suất)	Bộ	56	120.000	6.720.000
11	Bộ thiết bị hình học dạy phân số (Dùng cho giáo viên - Không từ tính) - Túi Zip	Bộ	5	485.000	2.425.000
12	Bộ thiết bị hình học thực hành phân số (Dùng cho học sinh)	Bộ	175	55.000	9.625.000
14	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho lớp 2 và 3)	Bộ	175	155.000	27.125.000
15	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho Giáo Viên lớp 4)	Bộ	2	245.000	490.000
16	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho Học Sinh lớp 4)	Bộ	70	21.500	1.505.000
17	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho Giáo Viên - Lớp 5)	Bộ	3	1.425.000	4.275.000
18	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho Học Sinh - Lớp 5)	Bộ	105	15.400	1.617.000
19	Thiết bị trong dạy học về thời gian	Bộ	3	550.000	1.650.000

20	Phần mềm toán học (Hình học và đo lường)	Bộ	18	3.250.000	58.500.000
21	Phần mềm toán học (Thống kê và xác suất)	Bộ	18	3.250.000	58.500.000
II	MÔN NGOẠI NGỮ				-
1	Bộ học liệu bằng tranh điện tử môn ngoại ngữ (TH-LỚP 1) (Tranh điện tử)	Bộ	12	325.000	3.900.000
III	MÔN ĐẠO ĐỨC				-
1	Bộ thẻ về mệnh giá các đồng tiền Việt Nam (Tranh điện tử)	Bộ	32	325.000	10.400.000
IV	MÔN TN&XH				-
1	Bộ thẻ về mệnh giá các đồng tiền Việt Nam (Tranh điện tử)	Bộ	1	325.000	325.000
2	Bộ xương (Tranh điện tử)	USB	10	325.000	3.250.000
3	Hệ cơ (Tranh điện tử)	Bộ	10	325.000	3.250.000
4	Quả địa cầu hành chính (Nhựa và đế bằng gỗ)	Quả	25	850.000	21.250.000
5	La bàn	Cái	16	105.000	1.680.000
6	Mô hình hệ cơ	Bộ	1	10.500.000	10.500.000
7	Mô hình bộ xương	Bộ	1	2.500.000	2.500.000
8	Mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng (bán thân)	Bộ	1	4.850.000	4.850.000
V	MÔN TIN HỌC				-
1	Máy in Laser Hỗ trợ dạy và học	Chiếc	1	7.850.000	7.850.000
2	Bộ dụng cụ sửa chữa, bảo dưỡng máy tính cơ bản	Bộ	1	2.250.000	2.250.000
3	Máy hút bụi (Loại thông dụng)	Chiếc	1	9.850.000	9.850.000
VI	MÔN CÔNG NGHỆ				-
1	Máy thu thanh Dùng trong thực hành máy thu thanh	Chiếc	5	850.000	4.250.000
VII	MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT				-
1	Cờ lệnh thể thao	Chiếc	3	450.000	1.350.000
2	Bơm Dùng để bơm hơi các thiết bị, dụng cụ	Chiếc	1	420.000	420.000
3	Cầu thăng bằng thấp	Bộ	2	10.450.000	20.900.000
4	Thảm xốp	Tám	20	420.000	8.400.000
5	Thang chữ A Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện kỹ năng leo, trèo của HS.	Chiếc	4	1.450.000	5.800.000
6	Hoa Dùng cho hoạt động giảng dạy của GV và tập luyện Bài thể dục của HS.	Chiếc	70	32.000	2.240.000
7	Vòng	Chiếc	50	58.000	2.900.000
8	Quả bóng đá (Số 4)	Quả	29	450.000	13.050.000
9	Quả bóng rổ (Số 5)	Quả	34	450.000	15.300.000
10	Quả bóng chuyền hơi	Quả	37	185.000	6.845.000
11	Quả cầu đá	Quả	50	15.000	750.000
12	Cột, lưới đá cầu	Bộ	2	3.850.000	7.700.000
13	Phao bơi	Chiếc	20	145.000	2.900.000
14	Sào cứu hộ	Chiếc	2	650.000	1.300.000
15	Phao cứu sinh	Chiếc	6	350.000	2.100.000

VIII	MÔN KHOA HỌC				-
1	Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên (Tranh giấy)	Bộ	1	45.000	45.000
2	Bộ tranh về bảo vệ mắt (Tranh giấy)	Bộ	12	25.000	300.000
3	Sơ đồ về sự trao đổi khí, nước, chất khoáng của thực vật với môi trường (Tranh giấy)	Bộ	11	45.000	495.000
4	Xử lý nước cấp cho sinh hoạt (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
5	Nhiệt kế (Nhiệt kế rượu)	Cái	3	32.500	97.500
6	Nhiệt kế điện tử (Nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể)	Cái	3	425.000	1.275.000
7	Kính lúp	Chiếc	3	32.000	96.000
XI	MÔN NGHỆ THUẬT ÂM NHẠC				-
1	Bells Instrument (Chuông-Bell Instrument)	Cái	3	85.000	255.000
2	Maracas	Cặp	3	98.000	294.000
3	Woodblock	Cái	1	225.000	225.000
4	Kèn phím (Melodion HT Music 32 phím hộp vải 32K)	Cái	7	755.000	5.285.000
5	Sáo (recorder) HT Music-8C	Cái	16	145.000	2.320.000
6	Xylophone (Gõ)	Cái	3	520.000	1.560.000
7	Handbells (1 bộ gồm 8 quả chuông)	Bộ	1	1.450.000	1.450.000
XII	MÔN NGHỆ THUẬT (MĨ THUẬT)				-
1	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.500.000	14.500.000
2	Kẹp giấy	Hộp	12	35.000	420.000
3	Tủ thiết bị	Chiếc	2	4.550.000	9.100.000
4	Bút lông (6 tròn+6 dẹt)	Cái	35	245.000	8.575.000
5	Bảng pha màu (Palet) (Gỗ)	Cái	35	80.000	2.800.000
6	Xô đựng nước (Ổng rửa bút)	Cái	35	75.000	2.625.000
7	Tạp dề	Cái	35	78.000	2.730.000
8	Bộ công cụ thực hành với đất nặn	Bộ	30	85.000	2.550.000
XIII	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM				-
1	Bộ học liệu điện tử (TH-LỚP 1, lớp 2,3,4,5) - Bản đầy đủ	Bộ	1	36.500.000	36.500.000
2	Bộ thẻ các gương mặt cảm xúc cơ bản (Tranh giấy)	Bộ	30	20.000	600.000
3	Bộ thẻ về “Nét riêng của em” (Tranh giấy)	Bộ	30	20.000	600.000
4	Bộ thẻ về “Sở thích của em” (Tranh giấy)	Bộ	30	38.000	1.140.000
5	Bộ thẻ về mệnh giá các đồng tiền Việt Nam (Tranh nhựa)	Bộ	44	450.000	19.800.000
6	Bộ thẻ các hoạt động trong ngày của em (Tranh giấy)	Bộ	41	38.000	1.558.000
7	Bộ thẻ về vệ sinh an toàn thực phẩm (Tranh giấy)	Bộ	30	45.000	1.350.000
8	Bộ tranh Tình bạn (Tranh giấy)	Bộ	12	55.000	660.000
9	Bộ tranh Nghề của bố mẹ em (Tranh giấy)	Bộ	39	58.000	2.262.000
10	Video về “Không an toàn thực phẩm”	USB	5	325.000	1.625.000
11	Video về nguy cơ trẻ em bị xâm hại	USB	2	325.000	650.000

12	Video về hành vi phản văn hóa nơi công cộng (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
13	Bộ dụng cụ lao động sân trường	Bộ	5	750.000	3.750.000
14	Bộ dụng cụ lều trại	Bộ	4	9.850.000	39.400.000
IX	MÔN DÙNG CHUNG				-
1	Bảng nhóm (Nhựa)	Chiếc	69	85.000	5.865.000
2	Bảng phụ (Nhựa)	Chiếc	12	225.000	2.700.000
3	Nam châm	Chiếc	320	11.500	3.680.000
4	Máy in 2 mặt	Chiếc	1	10.000.000	10.000.000
5	Cân	Cái	2	850.000	1.700.000
6	Nhiệt kế điện tử (Nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể)	Cái	2	425.000	850.000
*	TRƯỜNG THCS THẦN SA				1.310.467.500
A	THIẾT BỊ CHO KHỐI PHÒNG HỖ TRỢ HỌC TẬP				
I	Thư viện				-
1	Máy quét, đọc mã vạch	Cái	1	8.750.000	8.750.000
2	Máy in: Cho phòng Công nghệ (1); KHTN (1); Hội đồng (1); thư viện (1)	Chiếc	4	9.000.000	36.000.000
3	Máy tính để bàn	Bộ	1	14.500.000	14.500.000
4	Bàn đọc thư viện - Gỗ tự nhiên	Chiếc	2	12.000.000	24.000.000
5	Ghế cho học sinh phòng thư viện	Chiếc	30	585.000	17.550.000
6	Điều hoà nhiệt độ (Bao gồm cả phụ kiện lắp đặt hoàn thiện): 12000BTU 1 chiều	Bộ	3	14.750.000	44.250.000
7	Quạt mát (y tế học đường)	Cái	1	2.500.000	2.500.000
II	Phòng họp hội đồng				-
1	Ghế phòng họp - ghế gỗ tự nhiên	Chiếc	40	1.250.000	50.000.000
2	Bộ bàn phòng họp hội đồng gỗ tự nhiên	Bộ	1	52.500.000	52.500.000
3	Màn hình hiển thị tương tác: 86inch + OPS i5 đồng bộ hãng màn hình hiển thị + Chân giá NB 1800 - Loại to - Dùng cho màn hình hiển thị 86in + Dây HDMI chuyên dụng	Bộ	1	90.827.000	90.827.000
4	Giá kê di động loại chuyên dụng dùng choTivi 85in	Chiếc	1	3.850.000	3.850.000
III	Thiết bị đồ dùng cho Nhà ăn, Nhà bếp				-
1	Tủ sấy khay + bát INOX 1200L	Chiếc	1	23.450.000	23.450.000
2	Tủ Đông mát	Cái	1	17.850.000	17.850.000
3	Tủ cơm công nghiệp Điện - Gas	Cái	1	16.000.000	16.000.000
4	Máy lọc nước 50L + Vỏ bình INOX đựng máy lọc (Dùng lọc nước nấu cơm)	Cái	1	27.000.000	27.000.000
5	Máy xay thịt; mô tơ 2KW, nằm ngang	Cái	1	9.850.000	9.850.000
6	Xe đẩy thức ăn	Chiếc	1	4.580.000	4.580.000
IV	Thiết bị. Đồ dùng khu nội trú, bán trú				-
1	Hệ thống đun nước công nghiệp:	Bộ	1	21.000.000	21.000.000
2	Tủ đựng quần áo, chăn màn	Cái	2	4.550.000	9.100.000
3	Chăn + Vỏ, gối, màn cho HS bán trú	Bộ	82	3.850.000	315.700.000
V	PHÒNG HỌC				
1	Máy tính xách tay giáo viên	Bộ	6	15.000.000	90.000.000

2	Hệ thống âm thanh, hỗ trợ giảng	Chiếc	8	3.985.000	31.880.000
3	Bảng trượt (Lớp học) + Phòng bộ môn	Bộ	2	9.350.000	18.700.000
B	THIẾT BỊ DHTT GDPT 2018				
I	Thiết bị môn Giáo dục thể chất				
1	Quả bóng đá	Quả	20	485.000	9.700.000
2	Quả bóng chuyền da	Quả	13	295.000	3.835.000
3	Cột và lưới bóng chuyền	Bộ	1	6.850.000	6.850.000
4	Quả bóng bàn	Quả	30	20.000	600.000
5	Vợt bóng bàn	Cái	15	278.000	4.170.000
6	Cờ lệnh thể thao	Cái	4	125.000	500.000
7	Biển lật số	Cái	1	850.000	850.000
8	Dây nhảy cá nhân	Cái	20	32.000	640.000
9	Dây nhảy tập thể	Cái	1	62.000	62.000
10	Lưới chắn bóng ném	Cái	2	1.085.000	2.170.000
11	Dây kéo co (25)	Cái	2	1.980.000	3.960.000
12	Bàn đập xuất phát	Cái	2	850.000	1.700.000
13	Dây đích	Cái	1	55.000	55.000
14	Ván giậm nhảy (Khối gỗ tự nhiên)	Cái	1	1.500.000	1.500.000
15	Dụng cụ xới cát	Cái	2	750.000	1.500.000
16	Bàn chang san cát	Cái	2	745.000	1.490.000
17	Quả bóng rổ (Số 6 + Số 7)	Cái	14	485.000	6.790.000
18	Quả cầu đá	Cái	30	15.000	450.000
19	Cột, lưới đá cầu	Cái	3	3.850.000	11.550.000
20	Đích dậm, đá (cầm tay)	Cái	10	150.000	1.500.000
21	Thiết bị bảo hộ	Cái	2	2.750.000	5.500.000
22	Bàn cờ, quân cờ (Cờ vua)	Cái	20	450.000	9.000.000
23	Bàn, lưới bóng bàn	Cái	2	8.970.000	17.940.000
II	MÔN TOÁN				
1	Bộ thiết bị để vẽ trên bảng trong dạy học toán (Gỗ)	Bộ	1	420.000	420.000
2	Bộ thước thực hành đo khoảng cách, đo chiều cao ngoài trời	Bộ	1	2.550.000	2.550.000
3	Bộ thiết bị dạy học yếu tố xác suất (Thống kê và Xác suất)	Bộ	1	120.000	120.000
4	Bộ thiết bị dạy học hình học trực quan (các hình khối trong thực tiễn - Dùng cho Lớp 9)	Bộ	1	2.100.000	2.100.000
5	Phần mềm toán học (Hình học và đo lường)	Bộ	1	3.550.000	3.550.000
6	Phần mềm toán học (Thống kê và Xác suất)	Bộ	1	3.550.000	3.550.000
III	MÔN VĂN				
1	Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên môn Ngữ văn (THCS-LỚP 9)	Bộ	1	2.350.000	2.350.000
2	Video/clip/ phim tư liệu về tác phẩm Nam quốc sơn hà (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
3	Video/clip/ phim tư liệu về tác phẩm Hịch tướng sĩ (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000

4	Video/clip/ phim tư liệu về các tác phẩm Bình Ngô đại cáo và thơ Nôm của Nguyễn Trãi (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
5	Video/clip/ phim tư liệu về tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
6	Video/clip/ phim tư liệu về thơ Nôm của Hồ Xuân Hương (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
7	Video/clip/ phim tư liệu về thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
8	Video/clip/ phim tư liệu về thơ Nôm của Nguyễn Khuyến (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
9	Video/clip/ phim tư liệu về thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
10	Video/clip/ phim tư liệu tìm hiểu truyện ngắn của Nam Cao (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
11	Video/clip/ phim tư liệu về thơ của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
12	Video/clip/ phim tư liệu về thơ của Tố Hữu trước và sau Cách mạng tháng Tám (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
13	Video/clip/ phim tư liệu về tác giả Nguyễn Huy Tưởng (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
IV	MÔN GDCD				0
1	Tranh về thích ứng với những thay đổi (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
2	Video/clip về HS tham gia các hoạt động cộng đồng (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
3	Video/clip về bảo vệ hòa bình (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
4	Bộ dụng cụ, thực hành tiết kiệm	Bộ	1	450.000	450.000
V	MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ				
1	Nhiệt - âm kế treo tường	Chiếc	1	252.000	252.000
2	Sơ đồ lát cắt ngang các vùng biển Việt Nam (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
3	Bản đồ Dân số Việt Nam (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
4	Bản đồ nông nghiệp Việt Nam (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
5	Bản đồ công nghiệp Việt Nam (Tranh điện giao)	USB	1	325.000	325.000
6	Bản đồ giao thông Việt Nam (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
7	Bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
8	Bản đồ kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
9	Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000

10	Bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
11	Bản đồ tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
12	Bản đồ kinh tế vùng Bắc Trung Bộ (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
13	Bản đồ tự nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
14	Bản đồ kinh tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
15	Bản đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
16	Bản đồ kinh tế vùng Tây Nguyên (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
17	Bản đồ tự nhiên vùng Đông Nam Bộ (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
18	Bản đồ kinh tế vùng Đông Nam Bộ (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
19	Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
20	Bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
21	Bản đồ một số ngành kinh tế biển Việt Nam (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
22	Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên môn Địa Lý (THCS-LỚP 9)	Bộ	1	2.350.000	2.350.000
VI	MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN				
1	Kính hiển vi	Chiếc	2	5.650.000	11.300.000
2	Kẹp ống nghiệm	Chiếc	1	25.000	25.000
3	Bộ học liệu điện tử, mô phỏng hỗ trợ dạy học môn Khoa học tự nhiên (THCS-LỚP 9)	Bộ	1	2.350.000	2.350.000
4	Bột lưu huỳnh (S) - 100gr	chai	1	62.000	62.000
5	Iodine (I ₂) - 5gr	chai	1	100.000	100.000
6	Dung dịch nước bromine (Br ₂) - 100ml	chai	1	145.000	145.000
7	Đồng phoi bào (Cu) - 100gr	chai	1	145.000	145.000
8	Bột sắt - 100gr	chai	1	80.000	80.000
9	Đinh sắt (Fe) - 100gr	chai	1	80.000	80.000
10	Zn (viên) - 100gr	chai	1	120.000	120.000
11	Sodium (Na) - 50gr	chai	1	130.000	130.000
12	Magnesium (Mg) dạng mảnh - 50gr	túi	1	120.000	120.000
13	Cupre (II) oxide (CuO) - 50gr	chai	1	120.000	120.000
14	Đá vôi cục - 100gr	chai	1	60.000	60.000
15	Manganese (II) oxide (MnO ₂) - 10gr	chai	1	60.000	60.000
16	Sodium hydroxide (NaOH) - 100gr	chai	1	85.000	85.000
17	Copper sulfate (CuSO ₄) - 100gr	chai	1	80.000	80.000
18	Hydrochloric acid (HCl) 37% - 500ml	chai	1	140.000	140.000

19	Sulfuric acid 98% (H ₂ SO ₄) - 500ml	chai	1	140.000	140.000
20	Dung dịch ammonia (NH ₃) đặc - 200ml	chai	1	85.000	85.000
21	Magnesium sulfate (MgSO ₄) rắn - 10gr	chai	1	85.000	85.000
22	Barichloride (BaCl ₂) rắn - 50gr	chai	1	60.000	60.000
23	Sodium chloride (NaCl) - 100gr	chai	1	65.000	65.000
24	Sodiumsulfate (Na ₂ SO ₄) dung dịch - 200ml	chai	1	80.000	80.000
25	Silve nitrate (AgNO ₃) - 200ml	chai	1	350.000	350.000
26	Ethylic alcohol 96° (C ₂ H ₅ OH) - 200ml	chai	1	60.000	60.000
27	Glucosơ (kết tinh) (C ₆ H ₁₂ O ₆) - 100gr	chai	1	85.000	85.000
28	Nến (Parafin) rắn - 100gr	chai	1	60.000	60.000
29	Giấy phenolphthalein - 02 hộp	hộp	1	80.000	80.000
30	Dung dịch phenolphthalein - 200ml	chai	1	120.000	120.000
31	Nước oxi già y tế (3%) - 200ml	chai	1	80.000	80.000
32	Cồn đốt - 2000ml	chai	1	450.000	450.000
33	Nước cất - 1000ml	chai	1	60.000	60.000
34	Al (Bột) - 100gr	chai	1	140.000	140.000
35	Kali permanganat (KMnO ₄) - 50gr	chai	1	80.000	80.000
36	Kali chlorrat (KClO ₃) - 50gr	chai	1	80.000	80.000
37	Calcium oxide (CaO) - 100gr	chai	1	80.000	80.000
38	Vòng năng lượng trên Trái Đất (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
39	Sơ đồ quá trình tái bản DNA (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
40	Sơ đồ quá trình phiên mã (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
41	Sơ đồ quá trình dịch mã (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
42	Sơ đồ quá trình nguyên phân (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
43	Sơ đồ quá trình giảm phân (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
44	Bộ dụng cụ thí nghiệm phân tích ánh sáng trắng bằng lăng kính (Không bao gồm TBDC)	Bộ	3	650.000	1.950.000
45	Bộ dụng cụ thí nghiệm phân tích ánh sáng trắng bằng lăng kính (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	6.850.000	6.850.000
46	Bộ dụng cụ thí nghiệm khúc xạ ánh sáng	Bộ	1	245.000	245.000
47	Bộ dụng cụ thí nghiệm khúc xạ, phản xạ toàn phần (Không bao gồm TBDC)	Bộ	2	1.350.000	2.700.000
48	Bộ dụng cụ thí nghiệm khúc xạ, phản xạ toàn phần (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	2.850.000	2.850.000
49	Bộ dụng cụ thí nghiệm đo tiêu cự thấu kính (Không bao gồm TBDC)	Bộ	3	350.000	1.050.000
50	Bộ dụng cụ thí nghiệm đo tiêu cự thấu kính (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	3.850.000	3.850.000
51	Dụng cụ thực hành kính lúp (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	215.000	215.000
52	Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng của điện trở (Không bao gồm TBDC)	Bộ	3	1.050.000	3.150.000

53	Bộ dụng cụ thí nghiệm định luật Ohm (Không bao gồm TBDC)	Bộ	2	850.000	1.700.000
54	Bộ dụng cụ thí nghiệm định luật Ohm (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	4.500.000	4.500.000
55	Bộ dụng cụ thí nghiệm cảm ứng điện từ (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	1.450.000	1.450.000
56	Bộ thí nghiệm về dòng điện xoay chiều	Bộ	1	1.750.000	1.750.000
57	Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm dãy hoạt động của kim loại (Không bao gồm TBDC)	Bộ	1	1.050.000	1.050.000
58	Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm dãy hoạt động của kim loại (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	4.980.000	4.980.000
59	Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm về Ethylic alcohol (Không bao gồm TBDC)	Bộ	1	685.000	685.000
60	Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm về Ethylic alcohol (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	1.350.000	1.350.000
61	Bộ dụng cụ thí nghiệm acetic acid (Không bao gồm TBDC)	Bộ	1	985.000	985.000
62	Bộ dụng cụ thí nghiệm acetic acid (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	1.250.000	1.250.000
63	Bộ dụng cụ thí nghiệm phản ứng tráng bạc (Không bao gồm TBDC)	Bộ	1	975.000	975.000
64	Bộ dụng cụ thí nghiệm phản ứng tráng bạc (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	860.000	860.000
65	Bộ dụng cụ Thí nghiệm cellulose (Không bao gồm TBDC)	Bộ	1	880.000	880.000
66	Bộ dụng cụ Thí nghiệm cellulose (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	685.000	685.000
67	Bộ dụng cụ thí nghiệm tinh bột có phản ứng màu với iodine (Không bao gồm TBDC)	Bộ	1	325.000	325.000
68	Bộ dụng cụ thí nghiệm tinh bột có phản ứng màu với iodine (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	785.000	785.000
69	Bộ thiết bị quan sát nhiễm sắc thể (Không bao gồm TBDC)	Bộ	1	5.450.000	5.450.000
70	Video 3D mô phỏng sự phản xạ	Bộ	1	450.000	450.000
71	Video 3D mô phỏng sự khúc xạ ánh sáng	Bộ	1	450.000	450.000
72	Video 3D mô phỏng sự tán sắc	Bộ	1	450.000	450.000
73	Video mô phỏng 3D quá trình sản xuất xi măng	Bộ	1	450.000	450.000
74	Video mô phỏng 3D cấu trúc một số phân tử chất hữu cơ	Bộ	1	450.000	450.000
75	Video mô phỏng 3D lò luyện gang	Bộ	1	450.000	450.000
76	Video về cấu trúc DNA (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
77	Video về quá trình tái bản DNA (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
78	Video về quá trình phiên mã (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
79	Video về quá trình giải mã (USB Video)	Bộ	1	450.000	450.000
80	Bộ mô hình phân tử dạng đặc	Bộ	3	550.000	1.650.000

81	Mô hình phân tử dạng rỗng	Bộ	3	440.000	1.320.000
82	Mô hình mô tả cấu trúc của DNA có thể tháo lắp	Bộ	2	2.150.000	4.300.000
VII	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Công tơ điện 1 pha	Chiếc	3	660.000	1.980.000
2	Bộ thiết bị lắp mạng điện trong nhà	Bộ	3	2.244.000	6.732.000
3	Bộ thiết bị lắp đặt mạch chuông điện	Bộ	3	2.739.000	8.217.000
4	Bộ thiết bị lắp đặt mạch điện báo cháy tự động	Bộ	1	5.676.000	5.676.000
5	Bộ thiết bị lắp đặt mạch điện trang trí	Bộ	1	3.036.000	3.036.000
6	Bộ thiết bị lắp đặt mạch điều khiển đèn điện cảm biến ánh sáng và chuyển động	Bộ	1	3.069.000	3.069.000
7	Bộ thiết bị lắp đặt mạch điện giám sát sử dụng camera hồng ngoại	Bộ	1	8.550.000	8.550.000
8	Bộ kit vi điều khiển thông dụng	Bộ	1	8.450.000	8.450.000
9	Bộ thiết bị lắp đặt mạch điện điều khiển thiết bị điện dựa trên vi điều khiển.	Bộ	1	7.850.000	7.850.000
10	Bộ dụng cụ giâm, chiết, ghép cây	Bộ	2	1.550.000	3.100.000
11	Bộ dụng cụ trồng và chăm sóc cây	Bộ	2	1.650.000	3.300.000
12	Tranh: Một số loại sâu hại cây ăn quả (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
13	Tranh: Một số loại bệnh hại cây ăn quả (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
14	Video hướng dẫn thực hành nhân giống vô tính cây trồng (USB Video)- Cây ăn quả	USB	1	325.000	325.000
15	Tranh: Một số bệnh thường gặp trên gà (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
16	Video nuôi gà thả vườn theo tiêu chuẩn VietGAP (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
17	Tranh: Các bước trồng rừng bằng cây con (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
18	Video hướng dẫn thực hành nhân giống vô tính cây trồng (USB Video) - Cây rừng	USB	1	325.000	325.000
19	Bộ thiết bị may	Bộ	2	940.500	1.881.000
20	Thước dây (Thước vải 1,5m)	Cái	4	55.000	220.000
21	Thước cây (Gỗ)	Cây	4	150.000	600.000
22	Bộ bếp đun	Cái	2	2.250.000	4.500.000
23	Bộ nồi, chảo	Bộ	2	2.000.000	4.000.000
24	Bộ dao, thớt	Bộ	2	594.000	1.188.000
25	Kìm	Cái	2	150.000	300.000
26	Bộ khuôn làm hoa vải	Bộ	2	450.000	900.000
27	Bộ kềm làm hoa	Bộ	2	650.000	1.300.000
28	Bộ bình cắm hoa	Bộ	1	650.000	650.000
29	Kéo	Cái	1	280.500	280.500
VIII	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP				

1	Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (THCS-LỚP 7) FULL	Bộ	1	7.850.000	7.850.000
2	Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (THCS-LỚP 8) FULL	Bộ	1	7.850.000	7.850.000
3	Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (THCS-LỚP 9) FULL	Bộ	1	7.850.000	7.850.000
4	Bộ thẻ về thiên tai, biến đổi khí hậu (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
5	Bộ tranh về ô nhiễm môi trường (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
6	Bộ thẻ nghề truyền thống (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
7	Video về Giao tiếp ứng xử (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
8	Video về bắt nạt học đường (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
9	Video về một số áp lực trong cuộc sống (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
10	Video về cảnh quan thiên nhiên Việt Nam (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
11	Bộ dụng cụ làm vệ sinh trường học	Bộ	2	750.000	1.500.000
12	Bộ công cụ làm vệ sinh lớp học	Bộ	2	650.000	1.300.000
13	Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây trồng thông thường	Bộ	2	850.000	1.700.000
14	Bộ dụng cụ lều trại	Bộ	2	9.850.000	19.700.000
IX	MÔN NGHỆ THUẬT (ÂM NHẠC)				
1	Song loan	Cái	5	65.000	325.000
2	Triangle (Tam giác chuông) 180mm	Cái	5	155.000	775.000
3	Tambourine (D270)	Cái	5	450.000	2.250.000
4	Bells Instrument (Chuông)	Cái	5	100.000	500.000
5	Maracas	Cặp	5	120.000	600.000
6	Woodblock	Cái	5	225.000	1.125.000
7	Kèn phím (Melodion HT Music 37 phím hộp vải 32K)	Cái	5	850.000	4.250.000
8	Sáo (recorder) HT Music-8C	Cái	5	145.000	725.000
9	Xylophone (Đế gỗ và thanh Kim loại)	Cái	5	520.000	2.600.000
10	Ukulele HT Music	Bộ	5	1.450.000	7.250.000
11	Đàn organ Electric keyboard (đàn phím điện tử)	Bộ	1	15.780.000	15.780.000
12	Chân đàn + bao da	Bộ	1	1.650.000	1.650.000
X	MÔN NGHỆ THUẬT (MĨ THUẬT)				
1	Đèn chiếu sáng	Cái	1	1.850.000	1.850.000
2	Lô đồ họa (tranh in)	Cái	1	325.000	325.000
3	Màn Goát (Gouache colour)	Cái	1	985.000	985.000
4	Đất nặn	Bộ	1	2.750.000	2.750.000
5	Bảng yếu tố và nguyên lý tạo hình (Tranh điện tử)	Bộ	1	450.000	450.000

6	Bộ tranh/ ảnh về mỹ thuật Việt Nam thời kì trung đại (Tranh điện tử)	Bộ	1	450.000	450.000
7	Bộ tranh/ ảnh về mỹ thuật Việt Nam thời kì hiện đại (Tranh điện tử)	Bộ	1	450.000	450.000
8	Bộ tranh/ảnh về mỹ thuật thế giới thời kì trung đại (Tranh điện tử)	Bộ	1	450.000	450.000
9	Bộ tranh/ ảnh về mỹ thuật thế giới thời kì hiện đại (Tranh điện tử)	Bộ	1	450.000	450.000
*	TRƯỜNG TIỂU HỌC THƯỢNG NUNG				1.408.448.500
A	THIẾT BỊ CHO KHỐI PHÒNG HỌC TẬP				-
I	PHÒNG HỌC				-
1	Bảng trượt thông minh	Bộ	5	9.350.000	46.750.000
2	Màn hình hiển thị thông minh 65 inch	Cái	5	24.650.000	123.250.000
3	Giá đỡ tivi cố định + Dây HDMI	Bộ	5	1.250.000	6.250.000
4	Máy tính xách tay	Bộ	4	19.850.000	79.400.000
5	Hệ thống âm thanh, hỗ trợ giảng	Chiếc	10	3.985.000	39.850.000
7	Âm thanh trợ giảng - Phòng tin	Chiếc	1	10.000.000	10.000.000
II	MÔN NGOẠI NGỮ - LỰA CHỌN 2				
1	Màn hình hiển thị thông minh 65 inch	Cái	1	24.650.000	24.650.000
2	Giá đỡ tivi cố định + Dây HDMI	Bộ	1	1.250.000	1.250.000
3	Thiết bị âm thanh đa năng di động	Chiếc	1	10.000.000	10.000.000
4	Bộ học liệu điện tử môn Ngoại ngữ lớp: 1,2,3,4,5	Bộ	1	17.850.000	17.850.000
III	Thiết bị cho học sinh (1 PHBM/1 trường - 35HS/Lớp/ Trường)				
1	Thiết bị cấp nguồn liên tục AA cho máy học sinh	Bộ	1	24.166.000	24.166.000
2	Khối điều khiển thiết bị , có phím bấm để trả lời trắc nghiệm, điều chỉnh âm lượng, lựa chọn kênh âm thanh nghe, gọi giáo viên	Bộ	35	3.150.000	110.250.000
3	Tai nghe có micro	Chiếc	35	685.000	23.975.000
4	Thiết bị kết nối, điều khiển tiếp nhận từ thiết bị của Giáo viên (1 bộ = 1 bộ chuyên đôi + 02 cáp nối tín hiệu)	Bộ	18	1.870.000	33.660.000
IV	Khối thiết bị của Giáo viên				
1	Khối thiết bị điều khiển của Giáo viên	Bộ	1	59.200.000	59.200.000
2	Tai nghe có micro	Chiếc	1	685.000	685.000
3	Bàn ghế dùng cho giáo viên	Bộ	1	3.150.000	3.150.000
4	Bàn ghế dùng cho Học sinh - học ngoại ngữ 2 chỗ ngồi - Gỗ tự nhiên	Chiếc	18	2.950.000	53.100.000
5	Ghế học sinh phòng ngoại ngữ - gỗ tự nhiên	Chiếc	36	385.000	13.860.000
IV	Thư viện				
1	Giá thư viện	Chiếc	2	4.550.000	9.100.000
2	Tủ đựng hồ sơ	Cái	1	4.550.000	4.550.000
3	Máy tính xách tay	Bộ	1	19.850.000	19.850.000
4	Máy in	Chiếc	1	9.000.000	9.000.000
5	Giá đỡ thiết bị 2 mặt	Cái	2	8.560.000	17.120.000

V	Phòng thiết bị giáo dục				
1	Giá để thiết bị	Chiếc	2	4.550.000	9.100.000
VI	Phòng Đội				
1	Máy tính xách tay	Bộ	1	19.850.000	19.850.000
VII	Phòng họp				
1	Bàn họp hội đồng: gỗ tự nhiên	Chiếc	8	8.560.000	68.480.000
2	Ghế khung gỗ tự nhiên	Chiếc	40	1.250.000	50.000.000
3	Bục phát biểu - Gỗ Cn	Chiếc	1	4.550.000	4.550.000
4	Bục tượng Bác gỗ CN	Chiếc	1	4.550.000	4.550.000
VIII	Phòng y tế học Đường				
1	Bộ bàn ghế làm việc - Cao cấp	Bộ	1	7.000.000	7.000.000
2	Máy tính xách tay	Bộ	1	19.850.000	19.850.000
IX	Thiết bị đồ dùng cho Nhà ăn, Nhà bếp				
1	Tủ lưu mẫu thức ăn	Cái	2	8.950.000	17.900.000
2	Chạn để thức ăn	Cái	2	12.450.000	24.900.000
3	Máy xay thịt; mô tơ 2KW, nằm ngang	Cái	1	9.850.000	9.850.000
4	Bàn, ghế ăn (quy cách 1 bàn - 6 ghế)	Bộ	5	4.250.000	21.250.000
X	Thiết bị phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá và kiểm định chất lượng				
1	Tủ đựng giá đựng tài liệu	Chiếc	1	4.550.000	4.550.000
2	Bảng ghi lịch thi	Chiếc	1	3.450.000	3.450.000
3	Cân	Cái	1	850.000	850.000
4	Tủ đựng tài liệu thi	Chiếc	1	4.550.000	4.550.000
XIII	Thiết bị khác phục vụ cho các HĐ dạy và học				
1	Bút trình chiếu	Chiếc	2	685.000	1.370.000
B	TBDH CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018				
I	MÔN TIẾNG VIỆT				
1	Bộ mẫu chữ viết (Tranh giấy)	Bộ	2	425.000	850.000
2	Bộ chữ dạy tập viết (Tranh giấy)	Bộ	2	425.000	850.000
3	Bộ thẻ chữ học vắn thực hành	Bộ	20	105.000	2.100.000
4	Bộ chữ học vắn biểu diễn	Bộ	2	450.000	900.000
5	Bảng tên chữ cái tiếng Việt (Tranh giấy)	Bộ	2	45.000	90.000
6	Video dạy viết các chữ viết thường cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt (2 kiểu: chữ đứng, chữ nghiêng)	Bộ	2	325.000	650.000
7	Video dạy viết các chữ viết hoa cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt (2 kiểu: chữ đứng, chữ nghiêng)	Bộ	4	325.000	1.300.000
8	Video giới thiệu, tả đồ vật	USB	2	325.000	650.000
9	Video tả con vật, cây cối	USB	2	325.000	650.000
10	Video tả người, tả cảnh	USB	2	325.000	650.000
II	MÔN TOÁN				
1	Thiết bị vẽ bảng trong dạy học toán (Gỗ)	Bộ	15	145.000	2.175.000
2	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số (Dùng cho lớp 1)	Bộ	30	105.000	3.150.000
3	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số (Dùng cho lớp 2)	Bộ	30	205.000	6.150.000

4	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số (Dùng cho lớp 3)	Bộ	30	145.000	4.350.000
5	Bộ thiết bị dạy phép tính (Dùng cho lớp 1)	Bộ	30	98.000	2.940.000
6	Bộ thiết bị dạy phép tính (Dùng cho lớp 2, 3)	Bộ	30	51.000	1.530.000
7	Bộ thiết bị vẽ bảng trong dạy học hình học (Gỗ)	Bộ	6	285.000	1.710.000
8	Bộ thiết bị dạy khối lượng	Bộ	8	3.850.000	30.800.000
9	Bộ thiết bị dạy dung tích	Bộ	8	98.000	784.000
10	Thiết bị dạy diện tích	Tấm	6	17.500	105.000
11	Bộ thiết bị dạy học yếu tố xác suất (Thống kê và Xác suất)	Bộ	18	120.000	2.160.000
12	Bộ thiết bị hình học thực hành phân số (Dùng cho học sinh)	Bộ	30	55.000	1.650.000
13	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho lớp 1)	Bộ	30	145.000	4.350.000
14	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho lớp 2 và 3)	Bộ	30	155.000	4.650.000
15	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho Giáo Viên lớp 4)	Bộ	1	245.000	245.000
16	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho Giáo Viên - Lớp 5)	Bộ	1	1.425.000	1.425.000
17	Bộ thiết bị dạy học dạy đơn vị đo diện tích mét vuông	Bảng	1	550.000	550.000
18	Thiết bị trong dạy học về thời gian	Bộ	2	550.000	1.100.000
III	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Bộ học liệu bằng tranh điện tử môn ngoại ngữ (TH-LỚP 1) (Tranh điện tử)	USB	1	450.000	450.000
2	Bộ học liệu bằng tranh điện tử môn ngoại ngữ (TH-LỚP 2) (Tranh điện tử)	USB	1	520.000	520.000
3	Bộ học liệu bằng tranh điện tử môn ngoại ngữ (TH-LỚP 3) (Tranh điện tử)	USB	1	555.000	555.000
4	Bộ học liệu bằng tranh điện tử môn ngoại ngữ (TH-LỚP 4) (Tranh điện tử)	USB	1	580.000	580.000
5	Bộ học liệu bằng tranh điện tử môn ngoại ngữ (TH-LỚP 5) (Tranh điện tử)	USB	1	602.000	602.000
IV	MÔN ĐẠO ĐỨC				
1	Video, clip Quê hương em	USB	2	325.000	650.000
2	Video, clip Em yêu Tổ quốc Việt Nam	USB	2	325.000	650.000
3	Video, clip Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước	USB	2	325.000	650.000
4	Video, clip về kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	USB	2	325.000	650.000
5	Video, clip về Quan tâm hàng xóm láng giềng	USB	2	325.000	650.000
6	Video, clip về cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	USB	2	325.000	650.000

7	Video, clip Tự giác làm việc của mình	USB	2	325.000	650.000
8	Video, clip Quý trọng thời gian	USB	2	325.000	650.000
9	Video, clip Yêu lao động	USB	2	325.000	650.000
10	Video, clip Vượt qua khó khăn	USB	2	325.000	650.000
11	Video, clip Thật thà	USB	2	325.000	650.000
12	Video, clip Nhận lỗi và sửa lỗi	USB	2	325.000	650.000
13	Video, clip Giữ lời hứa	USB	2	325.000	650.000
14	Video, clip Tôn trọng tài sản của người khác	USB	2	325.000	650.000
15	Video, clip Bảo vệ cái đúng, cái tốt	USB	2	325.000	650.000
16	Video, clip Bảo quản đồ dùng cá nhân	USB	2	325.000	650.000
17	Video, clip Bảo vệ môi trường sống	USB	2	325.000	650.000
18	Video, clip Lập kế hoạch cá nhân	USB	2	325.000	650.000
19	Video, clip Tìm kiếm sự hỗ trợ	USB	2	325.000	650.000
20	Video, clip Xử lý bất hòa với bạn bè	USB	2	325.000	650.000
21	Video, clip Phòng tránh xâm hại	USB	2	325.000	650.000
22	Video, clip Tuân thủ quy định nơi công cộng	USB	2	325.000	650.000
V	MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI				
1	Bộ xương (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
2	Hệ cơ (Tranh điện tử)	Bộ	1	325.000	325.000
3	Mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng (bán thân)	Bộ	1	4.850.000	4.850.000
4	La bàn	Cái	5	105.000	525.000
5	Bộ các Video/Clip: Các hiện tượng thiên tai thường gặp (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
6	Bộ các Video/Clip: Con người và sức khỏe (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
VI	MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ				
1	Video/clip: Một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
2	Phim tư liệu/mô phỏng: Một số thành tựu tiêu biểu văn minh sông Hồng (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
3	Video/clip: Một số hoạt động kinh tế biển ở vùng duyên hải miền Trung (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
4	Video/clip: Danh lam thắng cảnh ở cố đô Huế (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
5	Video/clip: Lễ hội công chiêng (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
6	Video/clip: Sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam Bộ (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
VII	MÔN TIN HỌC				
1	Tủ lưu trữ	Cái	1	4.550.000	4.550.000
2	Máy in	Chiếc	1	9.000.000	9.000.000
3	Điều hoà nhiệt độ (Bao gồm cả phụ kiện lắp đặt hoàn thiện): 12000BTU 1 chiều	Bộ	2	14.750.000	29.500.000
4	Thiết bị lưu trữ ngoài	Bộ	1	2.000.000	2.000.000

5	Bộ dụng cụ sửa chữa, bảo dưỡng máy tính cơ bản	Bộ	1	2.250.000	2.250.000
6	Bộ lưu điện	Bộ	1	2.650.000	2.650.000
7	Hệ điều hành	Bộ	1	2.500.000	2.500.000
8	Phần mềm diệt virus	Bộ	1	400.000	400.000
9	Máy hút bụi (Loại thông dụng)	Chiếc	1	9.850.000	9.850.000
VIII	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật	Bộ	10	850.000	8.500.000
2	Bộ dụng cụ thủ công	Bộ	10	385.000	3.850.000
3	Công nghệ trong đời sống (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
4	Một số nhà sáng chế nổi tiếng	USB	2	325.000	650.000
5	Các công việc chính khi thiết kế	USB	2	325.000	650.000
6	Sử dụng tủ lạnh	USB	2	325.000	650.000
IX	MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT				
1	Bơm	Chiếc	2	420.000	840.000
2	Dây nhảy cá nhân	Chiếc	30	48.500	1.455.000
3	Gậy	Chiếc	35	58.000	2.030.000
4	Vòng	Chiếc	35	58.000	2.030.000
5	Hoa	Chiếc	35	32.000	1.120.000
6	Quả bóng đá (Số 4)	Quả	20	450.000	9.000.000
7	Quả bóng rổ (Số 5)	Quả	20	450.000	9.000.000
8	Quả bóng chuyền hơi	Quả	20	185.000	3.700.000
9	Quả cầu đá	Quả	40	15.000	600.000
10	Cột, lưới đá cầu	Bộ	3	3.850.000	11.550.000
11	Bàn và quân cờ	Bộ	35	450.000	15.750.000
12	Bàn và quân cờ treo tường	Bộ	2	2.450.000	4.900.000
13	Địch đấm, đá (cầm tay)	Chiếc	10	285.000	2.850.000
14	Phao bơi	Chiếc	20	145.000	2.900.000
15	Phao cứu sinh	Chiếc	2	350.000	700.000
16	Sào cứu hộ	Chiếc	6	650.000	3.900.000
X	MÔN KHOA HỌC				
1	Xử lý nước cấp cho sinh hoạt (Video/clip)	Bộ	2	450.000	900.000
2	Ô nhiễm, xói mòn đất (Video/clip)	Bộ	2	450.000	900.000
3	Hộp đổi lưu	Bộ	3	1.150.000	3.450.000
4	Bộ thí nghiệm không khí cần cho sự cháy	Bộ	3	350.000	1.050.000
5	Hộp thí nghiệm "Vai trò của ánh sáng"	Bộ	3	475.000	1.425.000
6	Bộ lắp mạch điện đơn giản	Bộ	3	165.000	495.000
7	Mô hình phát điện sử dụng năng lượng Mặt Trời, năng lượng gió hoặc năng lượng nước chảy	Bộ	3	5.980.000	17.940.000
8	Nhiệt kế (Nhiệt kế rượu)	Cái	3	32.500	97.500
9	Nhiệt kế điện tử (Nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể)	Cái	3	485.000	1.455.000
10	Kính lúp	Chiếc	2	32.000	64.000
XI	MÔN NGHỆ THUẬT ÂM NHẠC				
1	Trống nhỏ	Cái	3	125.000	375.000
2	Song loan	Cặp	8	25.000	200.000

3	Thanh phách (Gỗ)	Cặp	20	25.000	500.000
4	Triangle (Tam giác chuông) 180mm	Bộ	4	135.000	540.000
5	Tambourine (Trống lục lạc) D200	Cái	4	475.000	1.900.000
XII	MÔN NGHỆ THUẬT (MĨ THUẬT)				
1	Bảng vẽ cá nhân	Cái	10	48.000	480.000
2	Bục đặt mẫu	Cái	4	850.000	3.400.000
3	Các hình khối cơ bản (12 Khối - Nhựa)	Bộ	1	1.750.000	1.750.000
4	Kẹp giấy	Hộp	2	35.000	70.000
5	Tủ đựng thiết bị	Chiếc	3	4.550.000	13.650.000
6	Bút lông (6 tròn+6 đẹt)	Cái	35	245.000	8.575.000
7	Bảng pha màu (Palet) (Gỗ)	Cái	35	80.000	2.800.000
8	Xô đựng nước (Ổng rửa bút)	Cái	35	65.000	2.275.000
9	Tạp dề	Cái	35	78.000	2.730.000
10	Bộ công cụ thực hành với đất nặn	Bộ	35	80.000	2.800.000
XIII	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM				
1	Bộ học liệu điện tử (TH-LỚP 1, lớp 2,3,4,5) - Bản đầy đủ	Bộ	1	36.500.000	36.500.000
2	Video về “Không an toàn thực phẩm”	USB	2	325.000	650.000
3	Video về nguy cơ trẻ em bị xâm hại	USB	2	325.000	650.000
4	Video về Văn hóa Giao tiếp trên mạng	USB	2	325.000	650.000
5	Video về hỏa hoạn	USB	2	325.000	650.000
6	Video về hành vi phản văn hóa nơi công cộng (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
7	Video về Phong cảnh đẹp quê hương (USB Video)	USB	6	325.000	1.950.000
8	Video về ô nhiễm môi trường (USB Video)	USB	4	325.000	1.300.000
9	Bộ dụng cụ lao động sân trường	Bộ	10	750.000	7.500.000
XVI	MÔN DÙNG CHUNG				
1	Bảng nhóm (Nhựa)	Chiếc	30	85.000	2.550.000
2	Bảng phụ (Nhựa)	Chiếc	30	225.000	6.750.000
3	Nam châm	Chiếc	180	11.500	2.070.000
4	Nẹp treo tranh	Chiếc	10	52.000	520.000
5	Giá treo tranh	Chiếc	3	1.050.000	3.150.000
6	Thiết bị thu phát âm thanh	Chiếc	1	850.000	850.000
7	Cân y tế (y tế học đường)	Cái	2	850.000	1.700.000
8	Nhiệt kế điện tử	Cái	2	425.000	850.000
*	TRƯỜNG THCS THƯỢNG NUNG				1.368.758.500
A	THIẾT BỊ CHO KHỐI PHÒNG HỌC TẬP				
1	Hệ thống camera giám sát an ninh (Phòng Thường trực)	HT	1	65.000.000	65.000.000
2	Vỏ chắn,chiếu, gối cho HS bán trú	Bộ	100	2.250.000	225.000.000
I	Phòng học bộ Môn Tin				
1	Máy vi tính để bàn	Bộ	8	14.500.000	116.000.000
2	Bàn, ghế máy tính (1 bàn 2 ghế)	Bộ	4	3.150.000	12.600.000
3	Thiết bị kết nối mạng - mạng lan	HT	1	15.000.000	15.000.000

4	Điều hoà nhiệt độ (Bao gồm cả phụ kiện lắp đặt hoàn thiện): 12000BTU 1 chiều	Bộ	3	14.750.000	44.250.000
II	Thư viện				
1	Máy quét, đọc mã vạch	Chiếc	1	8.750.000	8.750.000
2	Máy in 2 mặt	Chiếc	1	10.000.000	10.000.000
3	Điều hoà nhiệt độ (Bao gồm cả phụ kiện lắp đặt hoàn thiện): 12000BTU 1 chiều	Bộ	2	14.750.000	29.500.000
4	Máy tính xách tay	Bộ	1	19.850.000	19.850.000
III	Phòng đoàn, đội				
1	Máy tính xách tay	Bộ	1	19.850.000	19.850.000
2	Máy in	Chiếc	1	9.000.000	9.000.000
IV	Phòng họp hội đồng				
1	Phòng rèm khẩu hiệu	Bộ	1	30.876.000	30.876.000
2	Điều hoà nhiệt độ (Bao gồm cả phụ kiện lắp đặt hoàn thiện): 12000BTU 1 chiều	Bộ	2	14.750.000	29.500.000
3	Ghế họp hội đồng ghế gỗ tự nhiên	Chiếc	30	1.250.000	37.500.000
4	Màn hình tương tác 75in + OPS + Chân giá di động + Dây HDMI	Bộ	1	69.750.000	69.750.000
V	Phòng y tế học đường				
1	Máy in 2 mặt	Chiếc	1	10.000.000	10.000.000
2	Máy tính xách tay	Bộ	1	19.850.000	19.850.000
3	Bàn ghế làm việc - Nhân viên	Bộ	1	3.150.000	3.150.000
4	Thiết bị đo chiều cao	Cái	1	4.850.000	4.850.000
5	Điều hoà nhiệt độ (Bao gồm cả phụ kiện lắp đặt hoàn thiện): 12000BTU 1 chiều	Bộ	1	14.750.000	14.750.000
VI	Thiết bị đồ dùng cho Nhà ăn, Nhà bếp				
1	Tủ sấy khay + bát INOX 1200L	Chiếc	1	23.500.000	23.500.000
2	Bộ đồ dùng phục vụ ăn cho HS (Khay ăn, bát đựng canh, thìa, đũa)	Bộ	140	325.000	45.500.000
3	Bếp ga công nghiệp	Chiếc	2	8.950.000	17.900.000
4	Hệ thống cấp gas công nghiệp	Hệ thống	1	27.500.000	27.500.000
5	Máy say thịt	Chiếc	1	9.850.000	9.850.000
6	Tủ inox để bát, thìa	Chiếc	1	23.450.000	23.450.000
7	Ghế ăn	Chiếc	60	275.000	16.500.000
VII	Thiết bị khác phục vụ cho các hoạt động dạy và học				
1	Máy phát điện CN 3 pha	Bộ	1	96.139.500	96.139.500
2	Vận chuyển + Lắp đặt	Bộ	1	9.850.000	9.850.000
3	Bộ âm thanh ngoài trời (Thiết bị phục vụ cho các HĐ dạy và học)	Bộ	1	200.400.000	200.400.000
B	THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU GDPT 2018				
I	MÔN TOÁN				
4	Bộ thiết bị dạy học hình học trực quan (các hình khối trong thực tiễn - Dùng cho Lớp 9)	Bộ	1	2.100.000	2.100.000
5	Phần mềm toán học (Hình học và đo lường)	Bộ	1	3.550.000	3.550.000
6	Phần mềm toán học (Thống kê và Xác suất)	Bộ	1	3.550.000	3.550.000
II	MÔN VĂN				

2	Video/clip/ phim tư liệu về tác phẩm Nam quốc sơn hà (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
3	Video/clip/ phim tư liệu về tác phẩm Hịch tướng sĩ (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
4	Video/clip/ phim tư liệu về các tác phẩm Bình Ngô đại cáo và thơ Nôm của Nguyễn Trãi (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
5	Video/clip/ phim tư liệu về tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
6	Video/clip/ phim tư liệu về thơ Nôm của Hồ Xuân Hương (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
7	Video/clip/ phim tư liệu về thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
8	Video/clip/ phim tư liệu về thơ Nôm của Nguyễn Khuyến (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
9	Video/clip/ phim tư liệu về thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
10	Video/clip/ phim tư liệu tìm hiểu truyện ngắn của Nam Cao (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
11	Video/clip/ phim tư liệu về thơ của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
12	Video/clip/ phim tư liệu về thơ của Tố Hữu trước và sau Cách mạng tháng Tám (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
13	Video/clip/ phim tư liệu về tác giả Nguyễn Huy Tưởng (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
III	MÔN GDCD				
1	Tranh về thích ứng với những thay đổi (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
2	Video/clip về HS tham gia các hoạt động cộng đồng (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
3	Tranh về truyền thống quê hương (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
4	Bộ tranh về truyền thống dân tộc Việt Nam (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
5	Tranh về phòng chống bạo lực học đường (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
6	Tranh về phòng chống bạo lực gia đình (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
7	Tranh về tệ nạn xã hội (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
IV	MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ				
1	Nhiệt - ẩm kế treo tường	Chiếc	1	252.000	252.000
2	Bản đồ Dân số Việt Nam (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
4	Bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
5	Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000

6	Bản đồ tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
7	Bản đồ tự nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
8	Bản đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
9	Bản đồ tự nhiên vùng Đông Nam Bộ (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
10	Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
11	Phim tài liệu về các cuộc kháng chiến chống thực dân phương Tây xâm lược của nhân dân Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
12	Phim tài liệu về Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
13	Phim tài liệu về một số sự kiện quan trọng trong lịch sử Việt Nam từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 5 năm 1975 (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
14	Phim tài liệu thể hiện một số sự kiện quan trọng trong lịch sử Việt Nam từ năm 1986 đến năm 1991 (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
15	Phim tài liệu về một số sự kiện quan trọng trong lịch sử khu vực Đông Nam Á từ năm 1991 đến nay (2021) (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
16	Phim tài liệu thể hiện một số sự kiện quan trọng trong lịch sử Việt Nam từ năm 1991 đến nay (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
17	Lược đồ Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
18	Lược đồ thể hiện lịch sử chủ quyền của Việt Nam đối với các khu vực biển, đảo (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
19	Phim thể hiện lịch sử chủ quyền của Việt Nam đối với các khu vực biển, đảo (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
20	Lược đồ Cách mạng tháng Tám năm 1945 (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
21	Quả địa cầu hành chính (Nhựa và đế bằng gỗ)	Chiếc	1	850.000	850.000
22	Quả địa cầu tự nhiên (Nhựa và đế bằng gỗ)	Chiếc	1	850.000	850.000
23	La bàn	Cái	1	105.000	105.000
24	Sơ đồ chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
25	Cấu tạo bên trong Trái Đất (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
26	Các dạng địa hình trên Trái Đất (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000

27	Sơ đồ vòng tuần hoàn lớn của nước (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
28	Bản đồ địa hình và khoáng sản Việt Nam (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
29	Bản đồ khí hậu Việt Nam (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
V	MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN				
1	Kẹp ống nghiệm	Chiếc	14	25.000	350.000
2	Bộ học liệu điện tử, mô phỏng hỗ trợ dạy học môn Khoa học tự nhiên (THCS-LỚP 9)	Bộ	1	2.350.000	2.350.000
3	Bột lưu huỳnh (S) - 100gr	chai	1	62.000	62.000
4	Iodine (I ₂) - 5gr	chai	1	100.000	100.000
5	Dung dịch nước bromine (Br ₂) - 100ml	chai	1	145.000	145.000
6	Đồng phoi bào (Cu) - 100gr	chai	1	145.000	145.000
7	Bột sắt - 100gr	chai	1	80.000	80.000
8	Đinh sắt (Fe) - 100gr	chai	1	80.000	80.000
9	Zn (viên) - 100gr	chai	1	120.000	120.000
10	Sodium (Na) - 50gr	chai	1	130.000	130.000
11	Magnesium (Mg) dạng mảnh - 50gr	túi	1	120.000	120.000
12	Cupre (II) oxide (CuO) - 50gr	chai	1	120.000	120.000
13	Đá vôi cục - 100gr	chai	1	60.000	60.000
14	Manganese (II) oxide (MnO ₂) - 10gr	chai	1	60.000	60.000
15	Sodium hydroxide (NaOH) - 100gr	chai	1	85.000	85.000
16	Copper sulfate (CuSO ₄) - 100gr	chai	1	80.000	80.000
17	Hydrochloric acid (HCl) 37% - 500ml	chai	1	140.000	140.000
18	Sulfuric acid 98% (H ₂ SO ₄) - 500ml	chai	1	140.000	140.000
19	Dung dịch ammonia (NH ₃) đặc - 200ml	chai	1	85.000	85.000
20	Magnesium sulfate (MgSO ₄) rắn - 10gr	chai	1	85.000	85.000
21	Barichloride (BaCl ₂) rắn - 50gr	chai	1	60.000	60.000
22	Sodium chloride (NaCl) - 100gr	chai	1	65.000	65.000
23	Sodium sulfate (Na ₂ SO ₄) dung dịch - 200ml	chai	1	80.000	80.000
24	Silver nitrate (AgNO ₃) - 200ml	chai	1	350.000	350.000
25	Ethyl alcohol 96° (C ₂ H ₅ OH) - 200ml	chai	1	60.000	60.000
26	Glucose (kết tinh) (C ₆ H ₁₂ O ₆) - 100gr	chai	1	85.000	85.000
27	Nến (Parafin) rắn - 100gr	chai	1	60.000	60.000
28	Giấy phenolphthalein - 02 hộp	hộp	1	80.000	80.000
29	Dung dịch phenolphthalein - 200ml	chai	1	120.000	120.000
30	Nước oxi già y tế (3%) - 200ml	chai	1	80.000	80.000
31	Cồn đốt - 2000ml	chai	1	450.000	450.000
32	Nước cất - 1000ml	chai	1	60.000	60.000
33	Al (Bột) - 100gr	chai	1	140.000	140.000
34	Kali permanganat (KMnO ₄) - 50gr	chai	1	80.000	80.000
35	Kali chlorrat (KClO ₃) - 50gr	chai	1	80.000	80.000
36	Calcium oxide (CaO) - 100gr	chai	1	80.000	80.000
37	Vòng năng lượng trên Trái Đất (Tranh điện	USB	1	325.000	325.000

	tử)				
38	Bộ dụng cụ thí nghiệm khúc xạ ánh sáng	Bộ	1	245.000	245.000
39	Bộ dụng cụ thí nghiệm khúc xạ, phản xạ toàn phần (Bao gồm TBDC)	Bộ	2	2.850.000	5.700.000
40	Bộ dụng cụ thí nghiệm đo tiêu cự thấu kính (Bao gồm TBDC)	Bộ	1	3.850.000	3.850.000
41	Thìa xúc hóa chất	Chiếc	7	32.000	224.000
VI	Thiết bị môn Giáo dục thể chất				
1	Cột nhảy cao	Bộ	1	3.450.000	3.450.000
2	Xà nhảy cao	Chiếc	1	785.000	785.000
4	Quả bóng đá	Quả	5	485.000	2.425.000
6	Quả bóng chuyền da	Quả	20	295.000	5.900.000
7	Cột và lưới bóng chuyền	Bộ	1	6.850.000	6.850.000
VIII	MÔN NGHỆ THUẬT(MĨ THUẬT)				
1	Bút lông (6 tròn+6 dẹt)	Chiếc	20	245.000	4.900.000
2	Đất nặn	hộp	6	2.750.000	16.500.000
3	Màu Goát (Gouache colour)	hộp	12	870.000	10.440.000
IX	MÔN TIN HỌC				
1	Máy hút bụi (Loại thông dụng)	Chiếc	1	9.850.000	9.850.000
*	TRƯỜNG TH LỮNG LƯƠNG				1.469.834.500
A	THIẾT BỊ CHO KHỐI PHÒNG HỌC TẬP				-
I	Phòng học				-
1	Bảng trượt thông minh	Bộ	10	9.350.000	93.500.000
2	Máy tính xách tay	Bộ	10	19.850.000	198.500.000
3	Hệ thống âm thanh, hỗ trợ giảng	Chiếc	10	3.985.000	39.850.000
II	Phòng học bộ Môn Tin				
1	Bảng trượt thông minh	Bộ	1	9.350.000	9.350.000
2	Màn hình hiển thị thông minh 65 inch	Cái	1	24.650.000	24.650.000
3	Giá để tivi cố định + Dây HDMI	Bộ	1	1.250.000	1.250.000
4	Âm thanh trợ giảng	Chiếc	1	10.000.000	10.000.000
III	Phòng Thư viện				
1	Giá thư viện	Chiếc	3	4.550.000	13.650.000
2	Tủ tài liệu	Chiếc	1	10.950.000	10.950.000
IV	Phòng thiết bị giáo dục				
1	Giá để thiết bị	Chiếc	3	4.450.000	13.350.000
2	Tủ đựng thiết bị	Cái	2	4.550.000	9.100.000
V	Phòng Đội				
1	Giá để trống cờ	Cái	1	4.450.000	4.450.000
2	Tủ đựng tài liệu, trang phục	Cái	1	4.550.000	4.550.000
3	Tượng Bác Hồ	Cái	1	750.000	750.000
4	Bàn ghế làm việc (1 bàn, 1 ghế) Cao cấp	Bộ	1	7.000.000	7.000.000
V	Phòng họp				
1	Bàn họp hội đồng: gỗ tự nhiên	Chiếc	8	8.560.000	68.480.000
2	Bục phát biểu - Gỗ Cn	Chiếc	1	4.550.000	4.550.000
3	Bục tượng Bác gỗ CN	Chiếc	1	4.550.000	4.550.000
VI	Phòng y tế học Đường				

1	Quạt mát	Cái	2	2.500.000	5.000.000
2	Máy tính xách tay	Bộ	1	19.850.000	19.850.000
3	Máy in	Chiếc	1	9.000.000	9.000.000
4	Bàn ghế làm việc (1 bàn, 1 ghế)Cao cấp	Bộ	1	7.000.000	7.000.000
5	Máy đo nhịp tim, huyết áp, đo nhiệt độ	Cái	1	4.550.000	4.550.000
6	Cân y tế (y tế học đường)	Cái	1	850.000	850.000
7	Ổng nghe y tế	Cái	1	1.250.000	1.250.000
8	Thiết bị đo chiều cao (y tế học đường)	Cái	1	4.850.000	4.850.000
VII	Thiết bị đồ dùng cho Nhà ăn, Nhà bếp				
1	Tủ sấy khay + bát INOX 1200L	Chiếc	1	23.450.000	23.450.000
2	Tủ đông mát	Cái	1	17.850.000	17.850.000
3	Tủ lưu mẫu thức ăn	Cái	2	8.950.000	17.900.000
4	Bếp gas công nghiệp 2 á họng	Cái	2	16.000.000	32.000.000
5	Bàn sơ chế, chế biến thực phẩm	Cái	2	6.500.000	13.000.000
6	Máy lọc nước 50L + Vỏ bình INOX đựng máy lọc (Dùng lọc nước nấu cơm)	Cái	1	27.000.000	27.000.000
VIII	Thiết bị phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá và kiểm định chất lượng				
1	Bảng ghi lịch thi	Chiếc	1	3.450.000	3.450.000
IX	Thiết bị khác phục vụ cho các hoạt động dạy và học				
1	Bút trình chiếu	Chiếc	2	685.000	1.370.000
2	Bộ âm thanh ngoài trời (Thiết bị phục vụ cho các HĐ dạy và học)	Bộ	1	200.400.000	200.400.000
3	Máy phát điện CN 1 pha	Bộ	1	85.850.000	85.850.000
4	Vận chuyển + Lắp đặt	Bộ	1	9.850.000	9.850.000
B	DANH MỤC THIẾT BỊ CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018				
I	MÔN TIẾNG VIỆT				
1	Bộ mẫu chữ viết (Tranh giấy)	Bộ	1	425.000	425.000
2	Bộ chữ dạy tập viết (Tranh giấy)	Bộ	1	425.000	425.000
3	Bộ thẻ chữ học vắn thực hành	Bộ	20	105.000	2.100.000
4	Bộ chữ học vắn biểu diễn	Bộ	2	450.000	900.000
5	Video dạy viết các chữ viết thường cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt (2 kiểu: chữ đứng, chữ nghiêng)	Bộ	1	450.000	450.000
6	Video dạy viết các chữ viết hoa cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt (2 kiểu: chữ đứng, chữ nghiêng)	Bộ	2	450.000	900.000
7	Video giới thiệu, tả đồ vật (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
8	Video tả con vật, cây cối (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
9	Video tả người, tả cảnh (USB Video)	USB	1	325.000	325.000
II	MÔN TOÁN				
1	Thiết bị vẽ bảng trong dạy học toán (Gỗ)	Bộ	10	145.000	1.450.000
2	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số (Dùng cho lớp 1)	Bộ	10	105.000	1.050.000
3	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số (Dùng cho lớp 2)	Bộ	10	205.000	2.050.000

4	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số (Dùng cho lớp 3)	Bộ	20	145.000	2.900.000
5	Bộ thiết bị dạy phép tính (Dùng cho lớp 1)	Bộ	20	98.000	1.960.000
6	Bộ thiết bị dạy phép tính (Dùng cho lớp 2, 3)	Bộ	10	51.000	510.000
7	Bộ thiết bị vẽ bảng trong dạy học hình học (Gỗ)	Bộ	3	285.000	855.000
8	Bộ thiết bị dạy khối lượng	Bộ	4	3.850.000	15.400.000
9	Bộ thiết bị dạy dung tích	Bộ	4	98.000	392.000
10	Thiết bị dạy diện tích	Tấm	6	17.500	105.000
11	Bộ thiết bị dạy học yếu tố xác suất (Thống kê và Xác suất)	Bộ	6	120.000	720.000
12	Bộ thiết bị hình học thực hành phân số (Dùng cho học sinh)	Bộ	50	55.000	2.750.000
13	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho lớp 1)	Bộ	20	145.000	2.900.000
14	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho lớp 2 và 3)	Bộ	20	155.000	3.100.000
15	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho Giáo Viên lớp 4)	Bộ	2	245.000	490.000
16	Bộ thiết bị dạy học hình phẳng và hình khối (Dùng cho Giáo Viên - Lớp 5)	Bộ	2	1.425.000	2.850.000
17	Bộ thiết bị dạy học dạy đơn vị đo diện tích mét vuông	Bảng	2	550.000	1.100.000
18	Thiết bị trong dạy học về thời gian	Bộ	6	550.000	3.300.000
19	Phần mềm toán học (Hình học và đo lường)	Bộ	2	3.250.000	6.500.000
20	Phần mềm toán học (Thống kê và xác suất)	Bộ	2	3.250.000	6.500.000
III	MÔN ĐẠO ĐỨC				
1	Video, clip Quê hương em	USB	2	325.000	650.000
2	Video, clip Em yêu Tổ quốc Việt Nam	USB	2	325.000	650.000
3	Video, clip Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước	USB	2	325.000	650.000
4	Video, clip về kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	USB	2	325.000	650.000
5	Video, clip về Quan tâm hàng xóm láng giềng	USB	2	325.000	650.000
6	Video, clip về cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	USB	2	325.000	650.000
7	Video, clip Tự giác làm việc của mình	USB	2	325.000	650.000
8	Video, clip Quý trọng thời gian	USB	2	325.000	650.000
9	Video, clip Yêu lao động	USB	2	325.000	650.000
10	Video, clip Vượt qua khó khăn	USB	2	325.000	650.000
11	Video, clip Thật thà	USB	2	325.000	650.000
12	Video, clip Nhận lỗi và sửa lỗi	USB	2	325.000	650.000
13	Video, clip Giữ lời hứa	USB	2	325.000	650.000
14	Video, clip Tôn trọng tài sản của người khác	USB	2	325.000	650.000
15	Video, clip Bảo vệ cái đúng, cái tốt	USB	2	325.000	650.000

16	Video, clip Bảo quản đồ dùng cá nhân	USB	2	325.000	650.000
17	Video, clip Bảo vệ môi trường sống	USB	2	325.000	650.000
18	Video, clip Lập kế hoạch cá nhân	USB	2	325.000	650.000
19	Video, clip Tìm kiếm sự hỗ trợ	USB	2	325.000	650.000
20	Video, clip Xử lý bất hòa với bạn bè	USB	2	325.000	650.000
21	Video, clip Phòng tránh xâm hại	USB	2	325.000	650.000
22	Video, clip Tuân thủ quy định nơi công cộng	USB	2	325.000	650.000
IV	MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI				
1	Bộ xương (Tranh điện tử)	USB	1	325.000	325.000
2	Hệ cơ (Tranh điện tử)	Bộ	1	325.000	325.000
3	Mô hình giải phẫu cơ quan nội tạng (bán thân)	Bộ	1	4.850.000	4.850.000
4	La bàn	Cái	5	105.000	525.000
5	Bộ các Video/Clip: Các hiện tượng thiên tai thường gặp (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
6	Bộ các Video/Clip: Con người và sức khỏe (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
V	MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ				
1	Video/clip: Một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
2	Phim tư liệu/mô phỏng: Một số thành tựu tiêu biểu văn minh sông Hồng (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
3	Video/clip: Một số hoạt động kinh tế biển ở vùng duyên hải miền Trung (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
4	Video/clip: Sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam Bộ (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
5	Video/clip: Danh lam thắng cảnh ở cố đô Huế (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
6	Video/clip: Lễ hội công chiêng	USB	2	325.000	650.000
VI	MÔN TIN HỌC				
1	Tủ lưu trữ	Cái	1	4.550.000	4.550.000
2	Thiết bị lưu trữ ngoài	Bộ	1	2.000.000	2.000.000
3	Bộ dụng cụ sửa chữa, bảo dưỡng máy tính cơ bản	Bộ	1	2.250.000	2.250.000
4	Bộ lưu điện	Bộ	1	2.650.000	2.650.000
VII	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật	Bộ	10	850.000	8.500.000
2	Bộ dụng cụ thủ công	Bộ	10	385.000	3.850.000
3	Đèn học	Tờ	5	550.000	2.750.000
4	Quạt bàn	Bộ	5	1.250.000	6.250.000
5	Lắp ráp mô hình kỹ thuật	Bộ	2	450.000	900.000
6	Công nghệ trong đời sống (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
7	Một số nhà sáng chế nổi tiếng	USB	2	325.000	650.000
8	Các công việc chính khi thiết kế	USB	2	325.000	650.000
9	Sử dụng tủ lạnh	USB	2	325.000	650.000

VIII MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT					
1	Bom	Chiếc	2	420.000	840.000
2	Dây nhảy cá nhân	Chiếc	10	48.500	485.000
3	Cầu thăng bằng thấp	Bộ	2	10.450.000	20.900.000
4	Thang chữ A	Chiếc	2	1.450.000	2.900.000
5	Gậy	Chiếc	35	58.000	2.030.000
6	Vòng	Chiếc	25	58.000	1.450.000
7	Hoa	Chiếc	35	32.000	1.120.000
8	Quả bóng đá (Số 4)	Quả	10	450.000	4.500.000
9	Cầu môn bóng đá, lưới (5 người)	Bộ	2	12.450.000	24.900.000
10	Quả bóng rổ (Số 5)	Quả	15	450.000	6.750.000
11	Cột bóng rổ (Tiểu học)	Bộ	2	10.450.000	20.900.000
12	Quả bóng chuyền hơi	Quả	10	185.000	1.850.000
13	Cột và lưới bóng chuyền hơi (Tiểu học) (HOI - CỐ ĐỊNH)	Bộ	2	6.500.000	13.000.000
14	Quả cầu đá	Quả	30	15.000	450.000
15	Cột, lưới đá cầu	Bộ	3	3.850.000	11.550.000
16	Bàn và quân cờ	Bộ	10	450.000	4.500.000
17	Bàn và quân cờ treo tường	Bộ	1	2.450.000	2.450.000
18	Địch đấm, đá (cầm tay)	Chiếc	10	285.000	2.850.000
19	Phao bơi	Chiếc	20	145.000	2.900.000
20	Phao cứu sinh	Chiếc	2	350.000	700.000
21	Sào cứu hộ	Chiếc	6	650.000	3.900.000
IX MÔN KHOA HỌC					
1	Xử lý nước cấp cho sinh hoạt (Video/clip)	Bộ	2	450.000	900.000
2	Ô nhiễm, xói mòn đất (Video/clip)	Bộ	2	450.000	900.000
3	Nhiệt kế (Nhiệt kế rượu)	Cái	3	32.500	97.500
4	Nhiệt kế điện tử (Nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể)	Cái	3	425.000	1.275.000
5	Kính lúp	Cái	2	32.000	64.000
X MÔN NGHỆ THUẬT ÂM NHẠC					
1	Trống nhỏ	Cái	3	125.000	375.000
2	Song loan	Cặp	8	25.000	200.000
3	Thanh phách (Gỗ)	Cặp	20	25.000	500.000
4	Triangle (Tam giác chuông) 180mm	Bộ	2	135.000	270.000
5	Tambourine (Trống lục lạc) D200	Cái	2	475.000	950.000
6	Bells Instrument (Chuông-Bell Instrument)	Cái	2	85.000	170.000
7	Maracas	Cặp	2	98.000	196.000
8	Woodblock	Cái	2	225.000	450.000
9	Kèn phím (Melodion HT Music 32 phím hộp vải 32K)	Cái	3	755.000	2.265.000
10	Sáo (recorder) HT Music-8C	Cái	15	145.000	2.175.000
11	Xylophone (Gỗ)	Cái	3	520.000	1.560.000
12	Handbells (1 bộ gồm 8 quả chuông)	Bộ	1	1.450.000	1.450.000
XI MÔN NGHỆ THUẬT (MĨ THUẬT)					
1	Bảng vẽ cá nhân	Cái	20	48.000	960.000

2	Giá vẽ (3 chân hoặc chữ A)	Cái	20	355.000	7.100.000
3	Bục đặt mẫu	Cái	4	850.000	3.400.000
4	Các hình khối cơ bản (12 Khối - Nhựa)	Bộ	1	1.750.000	1.750.000
5	Kẹp giấy	Hộp	1	35.000	35.000
6	Bút lông (6 tròn+6 dẹt)	Bộ	30	245.000	7.350.000
7	Bảng pha màu (Palet) (Gỗ)	Bảng	30	80.000	2.400.000
8	Xô đựng nước (Ổng rửa bút)	Cái	35	75.000	2.625.000
9	Tạp dề	Cái	35	78.000	2.730.000
10	Bộ công cụ thực hành với đất nặn	Bộ	30	85.000	2.550.000
11	Đất nặn	Hộp	6	2.750.000	16.500.000
12	Màu Goát (Gouache colour)	Bộ	12	870.000	10.440.000
XII	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM				
1	Video về “Không an toàn thực phẩm”	USB	2	325.000	650.000
2	Video về nguy cơ trẻ em bị xâm hại	USB	2	325.000	650.000
3	Video về Văn hóa Giao tiếp trên mạng	USB	2	325.000	650.000
4	Video về hỏa hoạn	USB	2	325.000	650.000
5	Video về hành vi phản văn hóa nơi công cộng (USB Video)	USB	2	325.000	650.000
6	Video về Phong cảnh đẹp quê hương (USB Video)	USB	6	325.000	1.950.000
7	Video về ô nhiễm môi trường (USB Video)	USB	4	325.000	1.300.000
8	Bộ dụng cụ lao động sân trường	Bộ	10	750.000	7.500.000
XIII	MÔN DÙNG CHUNG				
1	Bảng nhóm (Nhựa)	Chiếc	30	85.000	2.550.000
2	Bảng phụ (Nhựa)	Chiếc	10	225.000	2.250.000
3	Tủ/giá đựng thiết bị	Chiếc	3	4.550.000	13.650.000
4	Nam châm	Chiếc	180	11.500	2.070.000
5	Nẹp treo tranh	Chiếc	10	52.000	520.000
6	Giá treo tranh	Chiếc	2	1.050.000	2.100.000
7	Đài đĩa	Cái	2	4.950.000	9.900.000
8	Loa cầm tay	Chiếc	2	2.850.000	5.700.000
9	Thiết bị âm thanh đa năng di động - Loại to	Chiếc	2	10.000.000	20.000.000
10	Thiết bị trình chiếu - Máy chiếu + Màn chiếu + Dây HDMI..	Bộ	2	28.850.000	57.700.000
11	Máy in	Chiếc	1	9.000.000	9.000.000
C	Tổng cộng mua sắm hàng hóa				7.339.474.000